

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T L
TỈNH H N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lưu Văn Ninh và bà Phạm Thị Mơ.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T L, tỉnh H N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L, tỉnh H N tham gia phiên tòa:* ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T L, tỉnh H N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đào Thị B- sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: thôn B1, xã T P, huyện T L, tỉnh H N; nơi ở: thôn T H, xã T T, huyện T L, tỉnh H N; có mặt.

2. Bị đơn: anh Vũ Đức C - sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn B1, xã T P, huyện T L, tỉnh H N; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Đào Thị B trình bày:* chị và anh Vũ Đức C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T P, huyện T L, tỉnh H N ngày 27/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Tr H (nay là thôn B1), xã T P. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C mãi chơi, không tu trí làm ăn và dính vào nợ nần; một mình chị vất vả chăm lo mọi việc trong gia đình. Chị nhẫn nhịn chịu đựng vì con và nhiều lần khuyên bảo anh C, nhưng anh C vẫn không chịu thay đổi. Đến đầu năm 2020, thì vợ chồng sống ly thân, chị và con về nhà mẹ đẻ của chị ở thôn T H, xã T T, huyện T L, tỉnh H N sinh sống; còn anh C vẫn sống cùng bố mẹ anh C ở thôn B1, xã T P, huyện T L, tỉnh H N. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai

bên gia đình động viên, khuyên bảo về đoàn tụ, nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Vũ Đào Diễm Q - sinh ngày 06/7/2014, cháu Q đang do chị nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: vợ chồng chị không có tài sản chung gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn - anh Vũ Đức C:* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T L đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh C biết và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh C đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã cùng chính quyền xã T P đến gia đình anh C để tổng đạt các văn bản nhưng anh C không có ở nhà, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án còn gửi các văn bản cho anh C thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính; gia đình anh C đã nhận các văn bản của Tòa án, nhưng anh C vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu anh C làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với anh C và tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Tòa án đã phải niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản tự khai ngày 21/12/2022 - cháu Vũ Đào Diễm Q (là con chung của chị Bình, anh C) trình bày:* nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, vì mẹ chăm sóc cháu chu đáo.

** Xác minh tại UBND xã T P xác định:* chị Đào Thị B và anh Vũ Đức C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T P huyện T L, tỉnh H N ngày 27/3/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh C ở thôn Tr H (nay là thôn B1), xã T P. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C mãi chơi, không tu trí làm ăn; nên anh chị sống không có hạnh phúc. Chị B đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh C vẫn không thay đổi. Anh C làm nghề tự do, lái taxi; còn chị B làm công nhân, rất chịu khó làm ăn. Đến đầu năm 2020, thì anh chị sống ly thân, chị B và con chung của anh chị về nhà mẹ đẻ chị B ở thôn T H, xã T T, huyện T L, tỉnh H N; còn anh C vẫn sống cùng bố mẹ anh C ở thôn B1, xã T P, huyện T L, tỉnh H N. Nay, chị B xin ly hôn anh C, địa phương thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, khó có thể đoàn tụ; đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

** Tại phiên tòa,*

- Chị B giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn với anh C và đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Đào Diễm Q, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - đề nghị Hội đồng xét xử: xử cho ly hôn giữa chị Đào Thị B và anh Vũ Đức C. Về con chung: giao cháu Vũ Đào Diễm Q cho chị Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; anh Vũ Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con; các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Đào Thị B có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Vũ Đức C hiện cư trú tại xã T P , huyện T L, tỉnh H N; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Đào Thị B và anh Vũ Đức C là tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C mãi chơi, không tu trí làm ăn và dính vào nợ nần; chị B nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh C không chịu thay đổi. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra tình trạng cãi chửi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thành. Về phía chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đào Thị B và anh Vũ Đức C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị B xin ly hôn anh C là có

căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Đào Thị B và anh Vũ Đức C có 01 con chung là cháu Vũ Đào Diễm Q - sinh ngày 06/7/2014. Cháu Q còn nhỏ và đang sống ổn định cùng chị B, nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Bản thân cháu Q có nguyện vọng được ở với chị B. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Q, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Q cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Đào Thị B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Đào Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đào Thị B và anh Vũ Đức C.
2. Về con chung: giao cháu Vũ Đào Diễm Q - sinh ngày 06/7/2014 cho chị Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; anh Vũ Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.
3. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Đào Thị B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001241 ngày 20/12/2022.
4. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H N;
- VKSND huyện T L;
- Chi cục THADS huyện T L;
- UBND xã T P, huyện T L;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Xuân Cảnh